

Số: 7376 /BTC-TCT  
V/v xác định mã ngành theo  
Quyết định 43/2018/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 1326/CV-TCKT ngày 16/3/2022 của Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), công văn đề ngày 28/3/2022 của Công ty cổ phần dây và cáp điện Tây Việt Nam (TAYA) vướng mắc về chính sách thuế áp dụng thuế suất thuế GTGT theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Nghị định số 15/2022/NĐ-CP). Về nội dung này, Bộ Tài chính xin trao đổi với Quý Bộ như sau:

### **1. Căn cứ pháp lý**

Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định về giảm thuế giá trị gia tăng như sau:

*"1. Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:*

*a) Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.*

*b) Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.*

*c) Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.*

*d) Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. ...*

*Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế giá trị gia tăng."*

### **2. Nội dung vướng mắc:**

Thực hiện quy định về giảm thuế GTGT một số sản phẩm của Công ty CADIVI và Công ty TAYA sản xuất, kinh doanh; theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP, Công ty đã đối chiếu các sản phẩm, hàng hóa của mình với quy định tại Nghị định 15 nêu trên cũng như mã HS của sản phẩm (đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu), phụ lục Danh mục và nội dung Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 1/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.

Căn cứ theo các quy định nêu trên thì: Trường hợp Công ty cung cấp các sản phẩm kim loại của Công ty (thuộc nhóm hàng hóa, dịch vụ áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10%) có tên sản phẩm thuộc Phụ lục I Danh mục ban hành kèm theo Nghị định 15 thì các sản phẩm này không được giảm thuế GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 15; trường hợp hàng hóa, dịch vụ không thuộc Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định 15 thì được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% kể từ ngày 1/2/2022 đến ngày 31/12/2022 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 15.

Căn cứ quy định Nghị định 15, Phụ lục chi tiết và so sánh các sản phẩm của Công ty dựa theo tính chất, đặc điểm và mục đích sử dụng; các Công ty đề nghị hướng dẫn xác định các thuế suất thuế GTGT đối với các sản phẩm nhôm trần xoắn, đồng trần xoắn (dây bện bằng kim loại), mã 2599921, theo Quyết định 43/2018/QĐ-TTg quy định các sản phẩm “dây tết bện và các loại tương tự bằng đồng, không cách điện, dây bện, dây cáp, dây tết bện và các loại tương tự bằng nhôm, không cách điện; dây và cáp cho truyền điện phân vào nhóm 27320” như vậy các sản phẩm này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất GTGT là 8%.

### 3. Ý kiến của Bộ Tài chính

Theo Phụ lục Danh mục và nội dung hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam tại Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 1/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành sản phẩm thì:

- Mã ngành 27 (cấp 2), Tên sản phẩm (cột 8) “Thiết bị điện” có chi tiết mã ngành 27320 (cấp 5) “***Dây, cáp điện và điện tử khác***”. Tuy nhiên, mã ngành 27 không được quy định tại Phụ lục I Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

- Mã ngành 25 (mã ngành cấp 2), Tên sản phẩm (cột 8) “Sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)” có chi tiết mã ngành 25999 (cấp 5) “Sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu” (mã ngành cấp 6 là 259992 “Dây buộc các loại, dây xích, lò xo, đinh, vít bằng kim loại”; mã ngành cấp 7 là 2599921 “***Dây bện, dây chấu, dây cáp, dải băng tết bện, dây treo và các loại tương tự bằng kim loại, không cách điện gồm: Dây bện, dây chấu, dây cáp, dải băng tết bện, dây treo và các loại tương tự bằng sắt, thép, không cách điện; dây bện, dây cáp, dây tết bện và các loại tương tự bằng đồng, không cách điện; dây bện, dây cáp, dây tết bện và các loại tương tự bằng nhôm, không cách điện; dây và cáp cho truyền điện phân vào nhóm 27320***” và mã ngành cấp 7 là 2599922 “***Dây gai bằng Thép gồm: cả dây đai xoắn hoặc dây đơn dẹt có gai hoặc không, dây đôi xoắn dùng làm hàng rào bằng sắt hoặc thép. Dây và cáp***”

cho truyền điện phân vào nhóm 27320”) – mã ngành 25 được quy định tại Phụ lục I Nghị định 15/2022/NĐ-CP, thuộc phạm vi loại trừ không được giảm thuế GTGT.

Về nguyên tắc, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định loại trừ các nhóm hàng hóa, dịch vụ cụ thể không được giảm thuế và quy định chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Như vậy, đối với các sản phẩm “Dây, cáp điện và điện tử khác”, không được quy định tại Phụ lục I Nghị định số 15/2022/NĐ-CP, nhưng tại Mã ngành 25 (mã ngành cấp 2), Tên sản phẩm (cột 8) “Sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)” có chi tiết mã ngành 25999 (cấp 5) “Sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu” (mã ngành cấp 6 là **259992** “Dây buộc các loại, dây xích, lò xo, đinh, vít bằng kim loại”; mã ngành cấp 7 là **2599921** và **2599922**) có quy định tham chiếu đến mã ngành cấp 5 (**27320**) như đã nêu ở trên.

Trong trường hợp này thì nhóm sản phẩm (Dây, cáp điện và điện tử khác), có được phân vào 2 mã ngành (mã ngành 25 và mã ngành 27) hay không?

Để có cơ sở hướng dẫn thực hiện thống nhất, Bộ Tài chính đề nghị Quý Bộ có ý kiến về nội dung nêu trên.

Kính đề nghị Quý Bộ cho ý kiến tham gia bằng văn bản và gửi về Tổng cục Thuế trước ngày 02/8 /2022 (Liên hệ: đ/c Nguyễn Thị Lan Hương – 0912.469.699- [nlhuong01@gdt.gov.vn](mailto:nlhuong01@gdt.gov.vn)).

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm phối hợp của Quý Bộ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ PC, CST – BTC;
- Vụ PC – TCT;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS(3)).

3

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vũ Thị Mai**

Số 1326 /CV-TCKT

V/v vướng mắc chính sách thuế áp dụng thuế  
suất thuế GTGT theo ND15/2022/ND-CP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

TỔNG CỤC THUẾ	
ĐẾN	Số: <u>10472</u>
	Ngày: <u>24/3/2022</u>
Chuyên:	<u>VV, el (cs)</u>
Số và ký hiệu HS: .....	

**Kính gửi : Tổng Cục Thuế**

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (gọi tắt là CADIVI)

Mã số thuế: 0300381564;

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, quận 1- TP Hồ Chí Minh;

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, mua bán dây, cáp điện.

CADIVI xin trình bày Tổng cục Thuế vướng mắc như sau:

Thực hiện quy định về giảm thuế GTGT một số mặt hàng CADIVI sản xuất, kinh doanh; theo quy định tại Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ; Công ty đã đối chiếu các sản phẩm, hàng hóa của mình với quy định tại Nghị định 15 nêu trên, cũng như với mã HS của sản phẩm (đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu), Phụ lục Danh mục và nội dung Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.

***Do phải sản xuất, mua bán mặt hàng trên với các công ty, đơn vị khác nhau trên cả nước, nên Công ty cũng đã tham khảo các công văn của các Cục Thuế trả lời liên quan đến các sản phẩm trên để thực hiện cho đúng; tuy nhiên nội dung trả lời của các Cục Thuế cũng rất khó khăn để Công ty thực hiện cho đúng.***

*Nếu căn cứ trên các nội dung trả lời này, CADIVI hiểu rằng: Trường hợp Công ty cung cấp các sản phẩm kim loại của Công ty (thuộc nhóm hàng hóa, dịch vụ áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10%) có tên sản phẩm thuộc Phụ lục I ban hành theo Nghị định số 15, thì các sản phẩm này không được giảm thuế GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 15; trường hợp hàng hóa, dịch vụ không thuộc phụ lục I, II, III ban hành theo Nghị định số 15 thì được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% kể từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 15 (nêu trên).*

Mặc dù Công ty đã có văn bản số 603/CV-TCKT ngày 10/02/2022 gửi Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh để hỏi; tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa nhận được câu trả lời; trong khi phải biết được thuế suất các mặt hàng để Công ty thực hiện cho đúng. Do đó, căn cứ quy định tại Nghị định 15, Phụ Lục chi tiết và so sánh các sản phẩm của Công ty dựa theo tính chất, đặc điểm và mục đích sử dụng; Công văn số 5895/CTHN-TTHT ngày 22/02/2022 trả

lời Công ty cổ phần dây và cáp điện Thượng Đình của Cục Thuế TP. Hà Nội, các công văn hướng dẫn của các Cục Thuế Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Phòng (đính kèm); Công ty xác định các thuế suất thuế GTGT đối với các sản phẩm của CADIVI được áp dụng như sau:

1. Đối với các **sản phẩm là cáp truyền số liệu và cáp đồng trục phục vụ viễn thông**, mã 8544: căn cứ Nhóm V, Mục B, Phụ lục III, các sản phẩm này thuộc đối tượng áp dụng **thuế suất GTGT là 10%**.

2. Đối với các **sản phẩm là dây, cáp điện và điện tử khác** (bao gồm cả sản phẩm nhôm trần xoắn, đồng trần xoắn), mã 27320: các sản phẩm này không thuộc đối tượng loại trừ của Nghị Định 15/2022/NĐ-CP và không có trong các Phụ Lục của Nghị định 15/2022/NĐ-CP. Do đó, nhóm này thuộc đối tượng áp dụng **thuế suất GTGT là 8%**.

3. Các **sản phẩm nhôm trần xoắn, đồng trần xoắn** (dây bện bằng kim loại), mã ngành 2599921: Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg qui định các sản phẩm “dây tết bện và các loại tương tự bằng đồng, không cách điện; dây bện, dây cáp, dây tết bện và các loại tương tự bằng nhôm, không cách điện; dây và cáp cho truyền điện phân vào nhóm 27320”. Như vậy, các sản phẩm này thuộc đối tượng áp dụng **thuế suất GTGT là 8%**.

Chúng tôi gửi kèm theo đây Bảng tự xác định thuế suất GTGT cho một số nhóm sản phẩm chính của Công ty CADIVI.

### ***Kính thưa Tổng cục Thuế !***

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra hàng ngày, trong khi mức thuế suất thuế GTGT là 8% hay 10% để thực hiện cho đúng quy định pháp luật thuế theo Nghị định 15 nêu trên chưa được rõ ràng để Công ty thực hiện cho đúng. Bằng văn bản này, Công ty kính mong Tổng Cục Thuế có ý kiến và hướng dẫn cụ thể để Công ty thực hiện đúng qui định của Nghị định 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Công ty CADIVI xin chân thành cảm ơn.

(Công ty xin gửi kèm bản copy công văn hỏi của Công ty gửi Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh, các Công văn hướng dẫn của Cục Thuế: Đồng Nai, Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Phòng).

Trân trọng!

#### ***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu TCKT, HC



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ QUANG ĐỊNH**

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								quang được làm bằng sợi quang riêng rẽ khác
						2731012	Sợi quang và các bó sợi quang; cáp sợi quang (trừ loại được làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi)	Gồm: sợi quang và các bó sợi quang; cáp sợi quang (trừ loại được làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi) sử dụng cho viễn thông hoặc cho ngành điện khác; sợi quang và các bó sợi quang; cáp sợi quang khác (trừ loại được làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi)
					273102	2731020	Dịch vụ sản xuất sợi quang và cáp sợi quang	
			2732	27320			Dây, cáp điện và điện tử khác	
						273201	Dây, cáp điện và điện tử khác	
						2732011	Dây cách điện đơn dạng cuộn	Gồm: Dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng; dây cách điện đơn dạng cuộn khác
						2732012	Cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác	
						2732013	Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế $\leq 1000V$	Trừ dây cách điện đơn dạng cuộn
						2732014	Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế $> 1000V$	Trừ dây cách điện đơn dạng cuộn
					273202	2732020	Dịch vụ sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	
			2733	27330			Thiết bị dây dẫn điện các loại	
						273301	Thiết bị dây dẫn điện các loại	
						2733011	Công tắc và cầu dao chưa dùng cho điện áp $\leq 1000 V$	Công tắc micro; công tắc nguồn máy thu hình hoặc thu thanh; công tắc cho quạt điện; công tắc xoay; công tắc trượt; công tắc bập bênh và công tắc từ cho máy điều hòa không khí; công tắc mini dùng cho nồi cơm điện hoặc lò rán, nướng. Cầu dao dùng để đóng ngắt hoặc bảo vệ mạch điện dùng cho điện áp $\leq 1000 V$
						2733012	Đui đèn dùng cho điện áp $\leq$	Gồm: Đui đèn dùng cho

### PHỤ LỤC III

#### DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÔNG ĐƯỢC GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

A. Hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ

B. Hàng hóa công nghệ thông tin khác theo pháp luật về công nghệ thông tin

Mục (1)	STT (2)	Hàng hóa (3)	Mã số HS (áp dụng đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu) (4)
V		Nhóm sản phẩm thiết bị thông tin viễn thông, điện tử đa phương tiện	
	006	Các loại cáp đồng, cáp quang, cáp xoắn đôi, ...	<del>85.44</del> 90.01
	02	Các thiết bị bán dẫn, đèn điện tử, mạch điện tử và dây cáp điện	85.41 85.39 94.05 85.42 85.34 <del>85.44</del>
	008	Cáp đồng, cáp quang	<del>85.44</del> 90.01





**TAYA GROUP**  
Ta Ya (Viet Nam) Electric Wire & Cable



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----\*\*\*\*-----

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2022

## CÔNG VĂN XIN GIẢI ĐÁP

(v/v điều chỉnh giảm thuế suất GTGT đối với sản phẩm, hàng hóa theo nghị định 15)

Kính Gởi : **TỔNG CỤC THUẾ - BỘ TÀI CHÍNH.**  
**BỘ PHẬN HỎI ĐÁP VỀ THUẾ.**

<b>TỔNG CỤC THUẾ</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: 1105D
	Ngày: 30/3
Chuyển:	CS (01)
Số và ký hiệu HS:	

**Công Ty Cổ Phần Dây Và Cáp Điện Taya Việt Nam (sau đây gọi là Công ty TaYa).**

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án **9830011883** do Ban Quản Lý Các KCN Đồng Nai cấp lần thứ 6 ngày 20/03/2017.

Địa chỉ : Số 1, đường 1A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Điện Thoại : 0251. 3836361 FAX : 0251. 3836388

Mã số thuế : 3600241468

Người đại diện theo pháp luật : Ông WANG TING SHU Chức vụ : Tổng Giám Đốc.

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất dây và cáp điện, dây điện từ.

- ✧ Căn cứ Nghị quyết số 43QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.
- ✧ Căn cứ Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Phụ lục I; Phụ lục II; Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này hướng dẫn chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế GTGT.
- ✧ Căn cứ nội dung giấy phép kinh doanh số **9830011883-KD** của Công Ty Cổ Phần Dây Và Cáp Điện TaYa Việt Nam quy định về hoạt động kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa liên quan đến dây cáp điện, dây điện từ.

Căn cứ nội dung Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế GTGT, Công ty TaYa đã gửi công văn đề nghị Cục





thuế Đồng Nai hướng dẫn và đã nhận được công văn phúc đáp số 2780 /CTDON-TTHT ngày 15/02/2022. Nội dung công văn đề nghị Công ty TaYa tự rà soát mã sản phẩm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam và tự xác định sản phẩm của Công ty TaYa có được hưởng ưu đãi giảm thuế GTGT hay không làm căn cứ thực hiện.

Căn cứ giấy phép kinh doanh số 9830011883-KD và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9830011883 của Công ty TaYa, sản phẩm dây và cáp điện của Công ty TaYa có mã ngành là : **2732**; mã HS (áp dụng đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu) là : **8544**; Đối chiếu với công văn phúc đáp số 2780 /CTDON-TTHT ngày 15/02/2022 của Cục thuế Đồng Nai và nội dung tại Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam Công ty TaYa chúng tôi vẫn chưa thể xác định rõ trong các nhóm sản phẩm của chúng tôi đang sản xuất, nhóm nào được hoặc không được hưởng thuế suất GTGT giảm từ 10% xuống 8%.

Nay Công Ty Cổ Phần Dây Và Cáp Điện TaYa Việt Nam chúng tôi kính trình Tổng Cục Thuế cho ý kiến và hướng dẫn một số vướng mắc sau đây:

1. Căn cứ nội dung tại cột cấp 7, có mã số 2599921; 2599922 trang 45, Phụ lục I, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ thì sản phẩm **“dây và cáp cho truyền tải điện phân vào nhóm 27320”** thuộc nhóm ngành sản phẩm của Công ty TaYa là 2732 theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam. Kính trình Tổng cục thuế hướng dẫn trường hợp này thì sản phẩm của các công ty thuộc Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam là 2732 có được hưởng ưu đãi giảm thuế suất GTGT từ 10% xuống 8% hay không. ✓
2. Sản phẩm dây và cáp điện, dây điện tử của Công ty TaYa có mã HS (áp dụng đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu) là : **8544** nêu tại phụ lục III, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin không được giảm thuế GTGT. Tuy nhiên tại mục c) điều 1 của nghị định nêu rõ phụ lục III áp dụng cho đối tượng **“Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin”**. Kính trình Tổng cục thuế hướng dẫn trường

101  
VGT  
PH  
CÁPI  
YA  
NAM  
T. ĐC

hợp này, Công ty TaYa thuộc Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam là 2732, sản xuất dây và cáp điện, dây điện từ các loại thì có bị ràng buộc bởi Phụ lục III.

3. Rất nhiều công ty cùng ngành, sản xuất và tiêu thụ cùng chủng loại sản phẩm trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai, đồng thời cũng trực thuộc quản lý của Cục thuế Đồng Nai đã thông báo cho khách hàng áp dụng mức thuế GTGT giảm từ 10% xuống 8% dẫn đến tình trạng cạnh tranh không bình đẳng về giá bán. Trong khi đó, Công ty TaYa chúng tôi không thể áp dụng chính sách giảm thuế GTGT khi chưa được Cơ quan thuế hướng dẫn chi tiết và xác định chính xác các nhóm sản phẩm được hưởng chính sách miễn, giảm thuế GTGT Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Công Ty Cổ Phần Dây Và Cáp Điện TaYa Việt Nam chúng tôi rất mong nhận được sự hướng dẫn và ý kiến chi đạo của Tổng Cục Thuế, nếu phù hợp sẽ thực hiện việc điều chỉnh thuế suất nhằm tránh sự nhầm lẫn dẫn đến vi phạm quy định về luật thuế GTGT. kính trình Tổng Cục Thuế xem xét.

Trân Trọng Cảm Ôn !

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu



**Công Ty Cổ Phần Dây Và Cáp Điện Taya Việt Nam**

**Tổng Giám Đốc**  
  
**WANG TING SHU**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**  
**KHÔNG ĐƯỢC GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
*(Kèm theo Nghị định số /2022/NĐ-CP*  
*ngày tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung	Mã số HS (áp dụng đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>B</b>							<b>SẢN PHẨM KHAI KHOÁNG</b>		
	05						Than cứng và than non		27.01 27.02 27.03 27.04
		051	0510	05100	051000		Than cứng	Gồm: than cục và than cám, đã hoặc chưa nghiền thành bột, nhưng chưa đóng bánh. Than cứng đóng bánh thuộc ngành 19200	27.01 27.02 27.03 27.04
						0510001	Than antraxit	Than đá không thành khối. Than có giới hạn chất dễ bay hơi (trong điều kiện khô, không có khoáng chất) không vượt quá 14%	2701.11.00
						0510002	Than bi tum	Than mỡ, than có giới hạn chất dễ bay hơi (trong điều kiện khô, không có khoáng chất) trên 14% và giới hạn nhiệt lượng từ 5833 kcal/kg trở lên (trong điều kiện ẩm, không có khoáng chất)	2701.12
						0510003	Than đá (than cứng) loại khác		2701.19.00
		052	0520	05200	052000	0520000	Than non	Than non còn gọi là than nâu, chỉ tính than non đã hoặc chưa nghiền thành bột và chưa đóng bánh. Than non đóng bánh thuộc ngành 19200	27.02
	06						Dầu thô và khí đốt tự nhiên khai thác		27.07 27.09 27.10 27.11
		061	0610	06100			Dầu thô khai thác		27.09
					061001	0610010	Dầu mỏ và dầu thu được từ khoáng	Gồm: dầu mỏ thô; Condensate và dầu thô loại khác	27.09



Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung	Mã số HS (áp dụng đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
								đục máng và dụng cụ cắt tương tự cho việc chế biến gỗ; tuốc nơ vít; dụng cụ cầm tay khác	
						2593034	Dụng cụ cầm tay có thể thay đổi được, có hoặc không gắn động cơ, hoặc dùng cho máy công cụ	Ví dụ: Khuôn dùng để kéo hoặc ép đùn kim loại; dụng cụ để ép, cán, đập, đục lỗ, để ren hoặc taro, để doa hoặc chuốt, để tiện, dao và lưỡi cắt dùng cho máy hoặc dụng cụ cơ khí, ...	82.07
						2593035	Khuôn; Hộp đúc cho xưởng đúc kim loại, đúc cơ bản, đúc các mô hình	Gồm: Hộp khuôn đúc kim loại; đế khuôn; mẫu làm khuôn; mẫu khuôn dùng để đúc kim loại hay cacbua kim loại; khuôn đúc thủy tinh; khuôn đúc khoáng vật	84.80
						2593036	Đèn hàn (đèn xì)		8205.60.00
						2593037	Dụng cụ khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Mỏ cặp, bàn cặp và các đồ nghề tương tự; đe, bộ bệ rèn xách tay, bàn mài hình tròn quay tay hoặc đạp chân có giá đỡ; dụng cụ khác chưa được phân vào đâu	*
			2599				Sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu		*
				25991			Đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn		*
					259911		Sản phẩm bằng kim loại dùng trong bếp và nhà vệ sinh		*
						2599111	Bồn rửa bát, chậu rửa, bồn tắm, các thiết bị vệ sinh khác và bộ phận của nó bằng thép, sắt, đồng hoặc nhôm	Gồm: Chậu rửa và bồn rửa bằng thép không gỉ; bồn tắm bằng sắt, thép, gang đã hoặc chưa tráng men; thiết bị khác dùng trong nhà vệ sinh và bộ phận của chúng bằng sắt, thép, đồng, nhôm	73.24 7418.10.90 7418.20.00 7615.10.90 7615.20.90
						2599112	Đồ dùng cơ khí cầm tay, nặng 10kg trở xuống dùng để chế biến, pha chế hoặc phục vụ việc làm đồ ăn hoặc đồ uống		8210.00.00
						2599119	Đồ gia dụng khác dùng trong nhà bếp và bộ phận của	Gồm: Đĩa, bát, cặp lồng bằng kim loại; Nồi, ấm, chảo bằng kim loại; Đồ gia dụng khác dùng trong nhà	*

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung	Mã số HS (áp dụng đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							chúng bằng kim loại cơ bản	bếp và bộ phận của chúng bằng kim loại	
				25999			Sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu		*
					259991		Thùng và các loại đồ dùng để chứa đựng tương tự bằng Thép; Nút chai, nắp và các phụ kiện đóng gói khác bằng kim loại cơ bản		73.09 73.10 73.11 83.09
						2599911	Thùng và các loại đồ dùng để chứa đựng tương tự bằng Thép, nhôm	Gồm: Thùng, can, hộp và các đồ dùng để chứa đựng tương tự cho mọi nguyên liệu (trừ xăng dầu) bằng sắt hoặc thép có dung tích $\geq 50$ lít nhưng $\leq 300$ lít, không lắp ráp máy móc hoặc thiết bị nhiệt; thùng, can (trừ các đồ được hàn hoặc uốn, ép theo khuôn), hộp và các đồ dùng để chứa đựng tương tự cho mọi nguyên liệu (trừ xăng dầu) bằng sắt hoặc thép có dung tích $< 50$ lít, không lắp ráp máy móc hoặc thiết bị nhiệt; cân bằng sắt hoặc thép được hàn hoặc uốn, ép theo khuôn có dung tích $< 50$ lít; thùng, can, hộp và các đồ dùng để chứa đựng tương tự cho mọi nguyên liệu (trừ xăng dầu) có dung tích $\leq 300$ lít, bằng nhôm	73.09 73.10 73.11 7611.00.00 76.12 7613.00.00
						2599912	Nút chai, nắp, vung, vỏ bọc chai, dây nút thùng, nắp thùng, xi găng và các phụ kiện đóng gói khác bằng kim loại cơ bản		83.09
					259992		Dây buộc các loại, dây xích, lò xo, đinh, vít bằng kim loại		*

					2599921	Dây bện, dây chấu, dây cáp, dải băng tết bện, dây treo và các loại tương tự bằng kim loại, không cách điện	Gồm: Dây bện, dây chấu, dây cáp, dải băng tết bện, dây treo và các loại tương tự bằng sắt, thép, không cách điện; dây bện, dây cáp, dây tết bện và các loại tương tự bằng đồng, không cách điện; dây bện, dây cáp, dây tết bện và các loại tương tự bằng nhôm, không cách điện; dây và cáp cho truyền điện phân vào nhóm <b>27320</b>	*
					2599922	Dây gai bằng Thép	Dây thép gai; gồm cả dây đai xoắn hoặc dây đơn dệt có gai hoặc không, dây đôi xoắn dùng làm hàng rào bằng sắt hoặc thép. Dây và cáp cho truyền điện phân vào nhóm <b>27320</b>	7313.00.00
					2599923	Tấm đan (kể cả đai liền), phên, lưới và rào làm bằng dây sắt hoặc thép; Sản phẩm dạng lưới sắt hoặc thép được tạo hình bằng phương pháp đột dập và kéo dãn thành lưới		73.14
					2599924	Đinh, đinh mũ, ghim dập (trừ ghim dập dạng mảnh), đinh vít, then, đai ốc, đinh móc, đinh tán, chốt, chốt định vị, vòng đệm và các đồ tương tự bằng Thép, đồng hoặc nhôm	Đinh, đinh bấm, đinh ấn, đinh gấp, ghim rập (trừ ghim cài, kẹp tài liệu) và các sản phẩm tương tự bằng sắt, thép, đồng, nhôm; các sản phẩm có ren hoặc không ren bằng sắt, thép, đồng, nhôm... ví dụ: vít, bulông, đai ốc, đinh treo, chốt định vị...	73.17 73.18 74.15 7616.10
					2599925	Dây, que, ống, tấm, cực điện và các sản phẩm tương tự bằng kim loại cơ bản hoặc cacbua kim loại, được bọc, phủ hoặc có lõi bằng chất dễ chảy thuộc loại dùng để hàn xi, hàn hơi, hàn điện hoặc bằng cách ngưng tụ kim loại hoặc cacbua kim loại; Dây và thanh bằng bột kim loại cơ bản, đã được thêu kết, sử dụng trong phun kim loại		83.11





**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45 /2018/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2018

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... S ...
	Ngày: ... 08/11/18

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;*  
*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*  
*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2018.

Quyết định số 39/2010/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam và Thông tư số 19/2010/TT-BKH ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định nội dung Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

**Điều 3.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

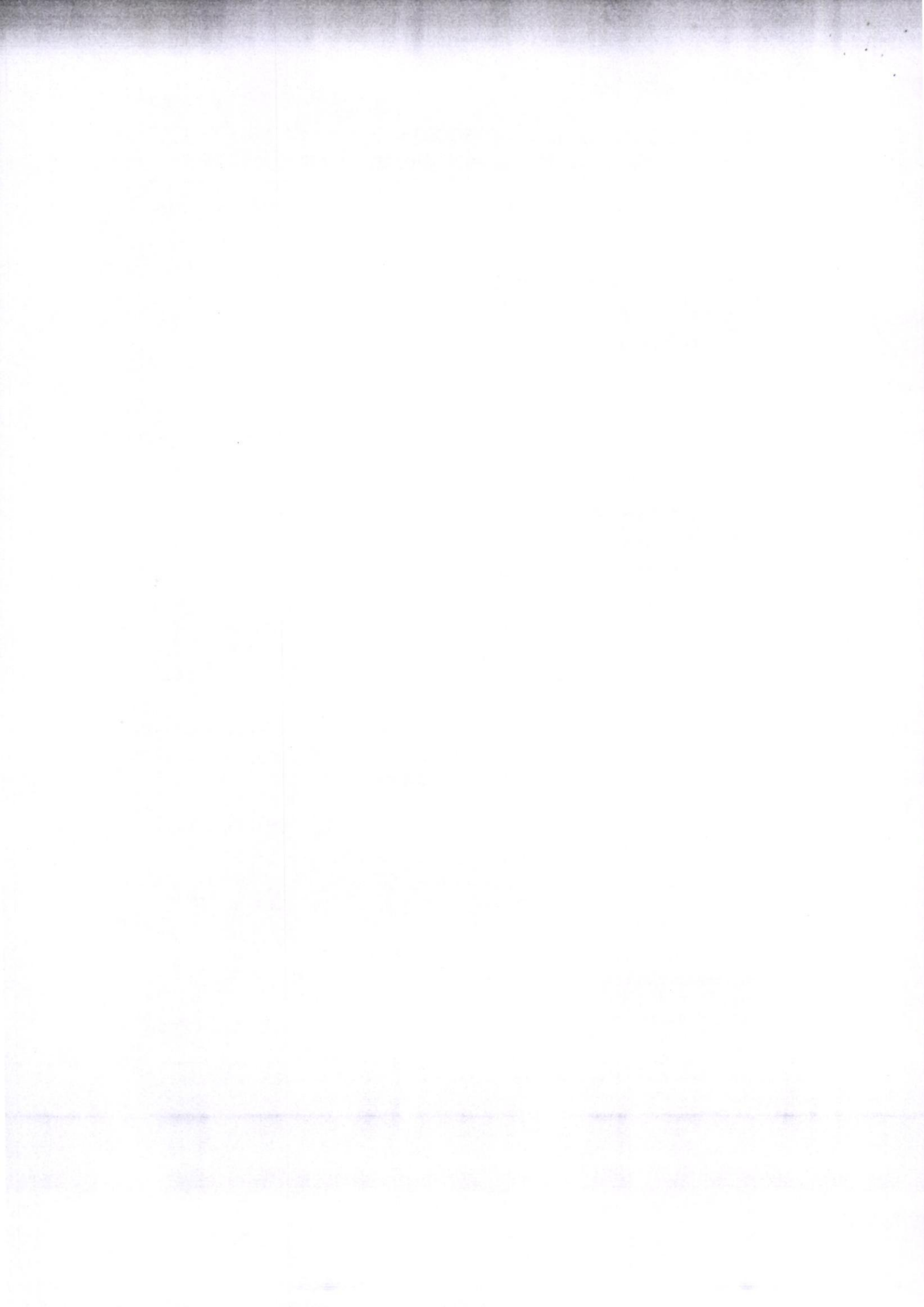
**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 105

**THỦ TƯỚNG**



*Lee*  
**Nguyễn Xuân Phúc**

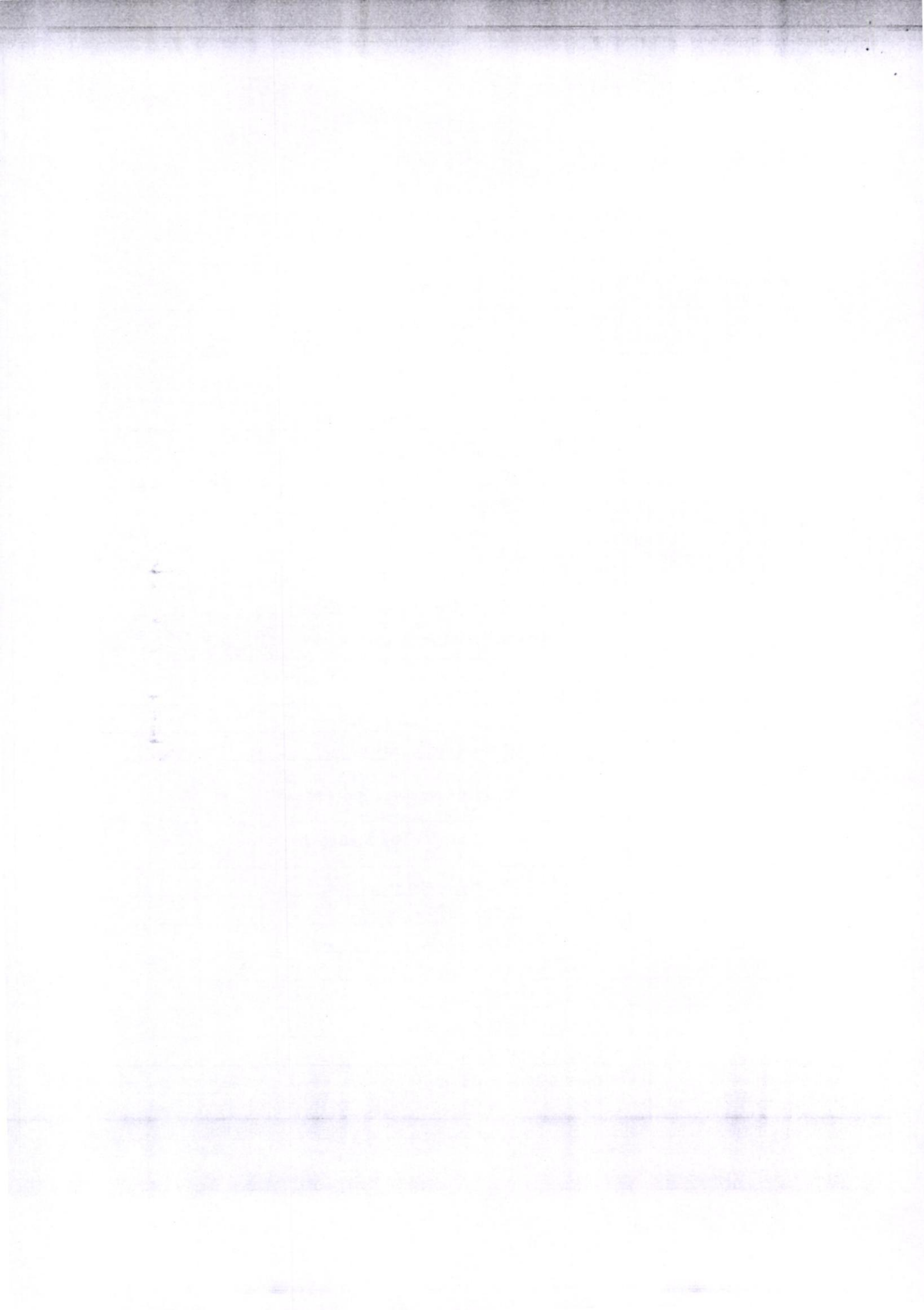


## PHỤ LỤC

### DANH MỤC VÀ NỘI DUNG HỆ THỐNG NGÀNH SẢN PHẨM VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung	
A							<b>SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN</b>		
	01						Sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan		
		011					Sản phẩm cây hàng năm		
			0111	011110	0111100		Thóc khô		
						0111001	Thóc khô làm giống	Gồm cả thóc nếp	
						0111009	Thóc khô khác		
			0112	01120			Ngô và sản phẩm cây lương thực có hạt khác		
						011201	Ngô/bắp hạt khô		
						0112011	Ngô/bắp hạt khô làm giống		
						0112019	Ngô/bắp hạt khô khác	Gồm cả ngô ngọt, ngô bắp tươi quy đổi hạt khô	
						011209	Sản phẩm cây lương thực có hạt khác		
						0112091	Mì mạch/lúa mỳ hạt		
						0112092	Kê, cao lương hạt		
						0112099	Sản phẩm cây lương thực có hạt khác chưa được phân vào đầu		
			0113	01130			Sản phẩm cây lấy củ có chất bột		
						011301	0113010	Khoai lang tươi	
						011302	0113020	Sắn/mỳ tươi	
						011303	0113030	Khoai sọ	
						011304	0113040	Khoai mỡ	
						011305	0113050	Khoai môn	
						011306	0113060	Dong riềng	
						011307	0113070	Khoai tây	
						011308	0113080	Sắn dây	
						011309	0113090	Sản phẩm cây lấy củ có chất bột khác	Gồm: Củ từ, củ đao/năng, hoàng tinh, củ lùn,...



Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								quang được làm bằng sợi quang riêng rẽ khác
						2731012	Sợi quang và các bó sợi quang; cáp sợi quang (trừ loại được làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi)	Gồm: sợi quang và các bó sợi quang; cáp sợi quang (trừ loại được làm các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi) sử dụng cho viễn thông hoặc cho ngành điện khác; sợi quang và các bó sợi quang; cáp sợi quang khác (trừ loại được làm các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi)
					273102	2731020	Dịch vụ sản xuất sợi quang và cáp sợi quang	
			2732	27320			Dây, cáp điện và điện tử khác	
						273201	Dây, cáp điện và điện tử khác	
						2732011	Dây cách điện đơn dạng cuộn	Gồm: Dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng; dây cách điện đơn dạng cuộn khác
						2732012	Cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác	
						2732013	Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế $\leq 1000V$	Trừ dây cách điện đơn dạng cuộn
						2732014	Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế $> 1000V$	Trừ dây cách điện đơn dạng cuộn
					273202	2732020	Dịch vụ sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	
			2733	27330			Thiết bị dây dẫn điện các loại	
						273301	Thiết bị dây dẫn điện các loại	
						2733011	Công tắc và cầu dao chưa dùng cho điện áp $\leq 1000 V$	Công tắc micro; công tắc nguồn máy thu hình hoặc thu thanh; công tắc cho quạt điện; công tắc xoay; công tắc trượt; công tắc bập bênh và công tắc từ cho máy điều hòa không khí; công tắc mini dùng cho nồi cơm điện hoặc lò rán, nướng. Cầu dao dùng để đóng ngắt hoặc bảo vệ mạch điện dùng cho điện áp $\leq 1000 V$
						2733012	Đui đèn dùng cho điện áp $\leq$	Gồm: Đui đèn dùng cho

